

**Đề bài: Nói về thơ, Nguyễn Đình Thi cho rằng: *Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm tới cuộc sống.* Ngữ văn 10**

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ bằng một tác phẩm thơ trong chương trình Ngữ văn 10.

**Bài làm 1:**

Biển cả ngàn năm nay vẫn không ngừng dào dạt sóng, sóng biển có lúc mạnh mẽ ào ạt, lúc lại êm đềm vỗ về bờ cát cũng giống như lớp lớp sóng lòng trong tâm hồn thi nhân vậy. Đứng trước cuộc đời bao la, người nghệ sĩ xúc cảm, những cơn sóng lòng tràn lên con chữ mà thành thơ. Nói về thơ, Nguyễn Đình Thi cho rằng: *“Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm tới cuộc sống”*. Bài thơ *Cảnh ngày hè* của Nguyễn Trãi đã thể hiện rõ điều này.

Thơ là hình thức sáng tác nghệ thuật lấy ngôn từ làm chất liệu để diễn tả những xúc cảm trào dâng nơi tâm hồn nhà thơ. *“Tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất”* mà Nguyễn Đình Thi đề cập tới ở đây chính là những rung động mãnh liệt bật ra trong một phút thăng hoa trước thế giới. Thế giới là gì nếu không phải là hiện thực khách quan, nơi sự sống vang lên mạnh mẽ? *“Đụng chạm tới cuộc sống”* chính là lúc mà người nghệ sĩ đối diện, thâm nhập vào đời sống để hiểu đời, hiểu người, từ đó đưa hơi thở ấm áp ấy vào thơ, tạo nên bao dòng cảm xúc bất tận. Với cách nói hình ảnh, Nguyễn Đình Thi khẳng định vai trò của hiện thực và xúc cảm đối với người làm nghệ thuật nói chung cũng như làm thơ nói riêng. Hiện thực là nguồn cội, là cơ sở làm nảy sinh những tình cảm đẹp để từ đó, thơ được thai nghén, được ra đời. Điều này xuất phát từ đặc trưng của thơ. Quá trình sáng tác thơ là mối quan hệ chặt chẽ giữa hiện thực – tác giả – tác phẩm. Lắng nghe *“tiếng đời lẫn náo nức”*, sống giữa cuộc đời muôn hình vạn trạng, hẳn mỗi người đều có cho mình những “hỉ, nộ, ái, ố”. Thế nhưng, ở các nghệ sĩ, đặc biệt là nhà thơ, những “hỉ, nộ, ái, ố” đó không dừng lại ở thứ cảm xúc trung bình chủ nghĩa, nhàn nhạt mà nó thăng hoa để *“trong một phút nổ ra như tiếng sét”* (Chế Lan Viên), để ngòi bút ghi lên trang giấy không phải là những con chữ mà là *“những tiếng lòng đang nháy múa”* (Xuân Diệu). Làm thơ nghĩa là cuộc hành trình của cảm xúc, những tình cảm sẽ dẫn dắt ngòi bút thi nhân đến những miền thơ mới lạ, đẹp đẽ khác thường. Không có hiện thực thì không có cảm xúc mà không có cảm xúc thì không làm được thơ. Đó là mối tương giao chặt chẽ, có quan hệ hữu cơ với nhau không thể tách rời.

*“Cuộc đời là nơi xuất phát, cũng là nơi đi tới của văn học”* (Tố Hữu). Đến với trang thơ *Cảnh ngày hè*, ta cảm nhận được sâu sắc hình bóng cuộc đời trong từng con chữ và những rung động rất thực trong tâm hồn nhà thơ – một vị đại quan về ở ẩn: tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và nỗi niềm yêu nước thương dân. Đứng trước thiên nhiên, ông đã có những cảm nhận thật độc đáo:

*Rồi, hóng mát thuở ngày trường*

*Hòe lục đùn đùn tán rợp giương*

*Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ*

### *Hồng liên trì đã tiễn mùi hương*

Câu thơ mở đầu với cách ngắt nhịp 1/2/3 sáng tạo đã diễn tả trạng thái ung dung, phong thái của một con người say sưa trước vẻ đẹp thiên nhiên trong những “ngày trường”. Nào, hãy theo chân thi nhân và cùng đắm mình vào không gian hấp dẫn ấy. Mở ra trước mắt người đọc là hình ảnh cây hòe xanh mát, tán ngày càng tỏa rộng khiến ngày hè như dịu lại. Từ láy “đùn đùn” đầy sức tạo hình, diễn tả sức sống căng tràn trong cây hòe cũng như trong cảnh vật khi hè đến. Một sức sống mạnh mẽ như áp ủ từ cuối đông sang xuân và đến hè thì bùng dậy, trỗi dậy khắp cây cỏ muôn phương. Trong một bài thơ khác, ông viết:

### *Có thuở ngày hè trương tán lục*

### *Đùn đùn bóng rợp cửa tam công*

Ngòi bút Nguyễn Trãi không chỉ tràn ngập hùng tâm tráng chí của thời đại Bình Ngô mà còn hừng hực lửa sống của đời, của người. Không chỉ có cây hòe mà còn cây lựu với những chùm hoa đỏ rực cũng được miêu tả đầy ấn tượng qua động từ “phun”. Một và chỉ một động từ đó thôi cũng đủ để ta hình dung sự sống như có hình khối, màu sắc, có thể cảm nhận trực tiếp bằng thị giác một cách trực tiếp. Sắc đỏ của hoa lựu được đặt cạnh sắc xanh của cây hòe làm nên sự đối chọi nhưng cũng rất hài hòa, tinh tế. Nguyễn Trãi dường như không chỉ là một nhà thơ mà còn là một nhà họa sĩ với những nét màu rất sắc, rất hấp dẫn thị giác người xem. Chẳng thế mà có nhà nghiên cứu đã nhận xét: “*Ta bất ngờ nhận ra điều trùng hợp đến kì lạ. Con người Nguyễn Trãi sao thật giống với danh họa Hà Lan Van – gốc. Không phải ở những màu sắc biểu hiện mà ở cách diễn tả chúng. Van – gốc vẽ cánh đồng ta tưởng như cánh đồng bốc cháy, hàng cây bên đường cũng quấn quai vệt lửa. Còn Nguyễn Trãi, những chữ “đùn đùn”, “phun” ... ấy là lửa trong lòng nhà thơ...*” Một “cuộc chơi” màu sắc làm bức tranh ngày hè sống động đến vô cùng. Sau này, ta cũng gặp “cuộc chơi” đó trong thơ hiện đại. Xuân Diệu viết:

### *Trong vườn sắc đỏ rửa màu xanh*

Tổ Hữu – một nhà thơ cách mạng lại có cái nhìn tươi mới hơn:

### *Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi*

Có thể thấy, Nguyễn Trãi là người đi tiên phong trong việc đưa những sắc màu sinh động của cuộc sống vào thơ và rất thành công trong việc miêu tả bức tranh cảnh ngày hè. Nhưng như vậy đâu đã đủ. Bên cạnh những hình ảnh, màu sắc rực rỡ đó, mùa hè còn hấp dẫn thi nhân bằng hương sen ngan ngát: “*Hồng liên trì đã tiễn mùi hương*”. Lại một lần nữa cách dùng từ của Ước Trai khiến ta thích thú. Động từ “tiễn” như mang hương sen đi khắp không gian, tỏa vào đất trời và thấm vào lòng người. Đọc câu thơ khiến ta như thực sự bước vào thế giới mùa hè sống động đó. Càng sống động hơn khi ta được lắng nghe:

### *Lao xao chợ cá làng ngư phủ*

### *Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương*

Tâm hồn Nguyễn Trãi như bao trùm lên cảnh vật, cảm nhận và thấu hiểu thế giới xung quanh bằng con mắt âu yếm, trân trọng. Tiếng ve xôn xao, vang động trong không gian được gói trong một từ “đăng dỏi” đầy sức gợi. Vậy là bức tranh thiên nhiên vừa rực rỡ sắc màu, thoang thoảng mùi hương lại náo nức âm thanh. Mọi giác quan đều được bùng thức trước cảnh vật mùa hè, tình yêu thiên nhiên dâng trào qua từng con chữ, đi vào lòng người đọc một cách tự nhiên, đầy ấn tượng. Đó chính là “*tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất*” của tâm hồn Úc Trai trước cảnh vật mùa hè.

Bên cạnh tình yêu thiên nhiên là tình yêu cuộc sống chan chứa. Chỉ với một câu thơ: “*Lao xao chợ cá làng ngư phủ*”, tác giả đã diễn tả được âm thanh vang động của cuộc sống, âm thanh của ấm no, của yên bình mặc dù nó vọng đến từ rất xa, dù chỉ là những tiếng “lao xao” nhưng bằng tấm lòng gần dân, thương dân, Nguyễn Trãi đã lắng nghe và cảm nhận bằng cả tâm hồn mình, thổi sức sống vào những con chữ tưởng như vô tri. Nếu hẳn là âm thanh “*ồn ào trên bến đỗ*” của Huy Cận trong bài “*Đoàn thuyền đánh cá*” thì ai cũng nghe thấy, cũng cảm nhận được. Thế nhưng với Nguyễn Trãi, dù chỉ là vang âm “lao xao” của cuộc sống, ông đã có thể nắm bắt và đưa vào thơ thành công. Có lẽ đó cũng chính là những điểm làm nên nét hấp dẫn riêng của hồn thơ Úc Trai: tinh tế, nhạy cảm mà cũng rất mãnh liệt.

“Tiếng nói” sâu lắng nhất, thấm thía nhất trong bài *Cảnh ngày hè* có lẽ là tiếng lòng ưu thời mẫn thế, yêu nước thương dân hết mực của Nguyễn Trãi:

*Dễ có Ngu cầm đàn một tiếng*

*Dân giàu đủ, khắp đời phương*

Hai câu kết nêu lên một ước mơ, giải bày một khát vọng mạnh mẽ của tác giả. Ông ước nhưng không ước cho mình, cho cuộc sống vật chất của bản thân mà dành tất cả sự quan tâm mong mỏi ấy cho nhân dân – những con người “đòn gánh xương chín dạn hai vai”. Thương dân, thấu hiểu những khó khăn vất vả trong đời sống người dân lao động nên nhà thơ chỉ mong có cây đàn của vua Ngu Thuấn để gảy khúc Nam Phong mừng cho đời sống ấm no, hạnh phúc của toàn dân. Ở đây, tác giả đã sử dụng điển tích điển cố nhưng không hề khô khan, gò ép, trái lại rất tự nhiên, diễn tả chân thực khát khao cháy bỏng là nhân dân có cuộc sống bình yên, no đủ, như đương thời vua Lê Thánh Tông cũng mong ước:

*Nhà Nam nhà Bắc đều no mặt*

*Lùng lẫy cùng ca khúc thái bình*

Đặt trong bối cảnh Nguyễn Trãi cáo quan về ở ẩn do đặc chí, khát vọng ấy “*Dễ có...*” (lẽ ra nên có) còn phảng phất nét buồn, tâm sự ưu thời mẫn thế vì chí lớn chưa thỏa sức thực hiện. Nhưng dẫu sao, câu thơ vẫn ánh lên tấm lòng “sáng tựa sao Khuê” của một con người suốt đời lo cho dân cho nước.

Chỉ bằng một bài thơ ngắn, ta đã nhận ra tài năng nghệ thuật Nguyễn Trãi. Với thể thơ thất ngôn xen lục ngôn đầy sáng tạo, hệ thống hình ảnh giàu chất gợi hình, gợi cảm và ngôn ngữ thơ Nôm vừa tinh tế, hàm súc lại rất đời gần gũi,

thân thuộc, bài thơ là một “công trình nghệ thuật” đầy ấn tượng, mang đậm nét tư tưởng Nguyễn Trãi: tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và nỗi niềm yêu nước thương dân. Đó là những “tiếng nói” đầy ý nghĩa vang lên từ tâm hồn Úc Trai trước cuộc đời muôn hình muôn sắc. Tiếng nói ấy vừa đặc trưng lại vừa độc đáo, mới mẻ. Thường trong văn học trung đại, khi miêu tả thiên nhiên, các tác giả nghĩ ngay đến xuân với “*Cỏ non xanh tận chân trời*” (Nguyễn Du) hay “*Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san*” chứ ít ai nhắc tới mùa hè. Vượt ra khỏi cái khuôn mẫu xáo mòn, cái “xương xẩu cứng khô” của tư tưởng phi ngã, Nguyễn Trãi đã tạo nên không gian nghệ thuật riêng, trong đó âm vang cuộc sống hiện lên thật rõ nét qua từng con chữ, thực sự “*đụng chạm tới cuộc sống*” bằng chính những giác quan nhạy bén, bằng tâm hồn rộng mở và bằng cả ngòi bút tài hoa, xứng đáng là “*người làm nên lòng tin cho ngôn ngữ dân tộc*” (Lê Trí Viễn).

“*Thơ ca là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp*” (Sóng Hồng). Đọc thơ cũng chính là đến với thời đại của nhà thơ, đồng thời đến với thế giới nội tâm của người nghệ sĩ với bao xúc cảm lạ lùng. Nhận định của Nguyễn Đình Thi mang đến chiêm nghiệm sâu sắc về thơ ca cũng như bài học cho người sáng tác và người tiếp nhận. Thơ ca là tấm gương phản ánh hiện thực đời sống cũng như hiện thực tâm hồn, do đó người làm thơ cần phải xúc cảm thực sự trước cuộc đời, con người mới có thể mang những xúc cảm đó vào thơ, như Nguyễn Du thương cô Kiều tài hoa bạc mệnh và làm nên kiệt tác “*Truyện Kiều*”, như Xuân Diệu với lòng yêu đời và khát khao giao cảm mãnh liệt thổi hồn cho những “*Vội vàng*”; “*Thơ duyên*”... Cảm xúc sẽ dẫn dắt nhà thơ tới miền đất của cái đẹp, của chân – thiện – mỹ. Tuy nhiên chỉ cảm xúc thôi thì chưa đủ, cảm xúc mãnh liệt cũng cần một tài năng nghệ thuật đích thực để giúp truyền tải những vang âm đó vào trang thơ, làm nên những tác phẩm thực sự mà như Viên Mai đã nhận xét: “*Tài gia tình chi phát, tài thịnh tình đắc thâm*” (Cái tài do tình sinh ra, tài cao ắt tình sâu). Đối với người đọc, trong quá trình tiếp nhận văn học cần trân trọng công sức của nhà văn, nhà thơ, đọc để không chỉ thấy cái hay của câu chữ mà còn thực sự đồng điệu, tri âm với tâm hồn, với tiếng nói sâu lắng mà nhà thơ gửi gắm vào tác phẩm, bởi “*Thơ là một điệu hồn đi tìm những tâm hồn đồng điệu*” (Tố Hữu).

*Nếu ngày mai em không làm thơ nữa  
Cuộc sống trở về bình yên  
Ngày nói nhau trên đường phố êm đềm  
Không nỗi khổ, không niềm vui kinh ngạc*

(Xuân Quỳnh)

Nếu không còn những vần thơ – những tiếng nói tâm hồn đầy xúc cảm ấy chắc hẳn cuộc sống sẽ thiếu đi hẳn một phần niềm vui, vài phần nỗi buồn và rất nhiều phần lãng mạn. Vậy nên hãy cứ làm thơ, yêu thơ – cũng là yêu chính cuộc sống tươi đẹp này.

## **Bài làm 2:**

“Thơ là tiếng lòng”, là dấu ấn tư tưởng tình cảm riêng của người nghệ sĩ, còn người nghệ sĩ là thư kí trung thành của trái tim. Thơ xuất phát từ tâm lòng, tâm hồn người viết. Các tác giả gửi gắm tới độc giả những gì mình tâm đắc nhất, rung động mãnh liệt nhất và kí thác vào thơ. Chính vì vậy, khi bàn về thơ và đặc trưng thơ, Nguyễn Đình Thi cho rằng: *“Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm tới cuộc sống”*.

Ý kiến trên là lời khẳng định về thơ: “Thơ là...”. Vậy thơ là gì? Thơ là phương thức trữ tình ghi lại tâm hồn, tư tưởng tình cảm sâu sắc nhất, mãnh liệt nhất của người nghệ sĩ qua hệ thống ngôn từ nghệ thuật. Cách nói khẳng định đã lí giải thơ “là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn”. Nguyễn Đình Thi đã đề cao tính cần thiết nhất của thơ là tình cảm, cảm xúc. Đứng trước hiện thực xã hội, nhà văn chỉ viết những gì đập vào trái tim mình mạnh nhất, nhiều rung cảm nhất. Nhận định trên xuất phát từ đặc trưng của thơ. Nếu “ngôn từ là tiếng nói thứ nhất của văn học” thì “thơ là tiếng nói đầu tiên của tâm hồn” người nghệ sĩ bởi thơ là tiếng nói của tình cảm, cảm xúc. Tác phẩm ra đời đánh dấu những tình cảm cháy bỏng của người nghệ sĩ trước hiện thực. Không có tác phẩm văn chương nào, đặc biệt là thơ ca lại được viết lên bởi một trái tim lạnh lùng vô cảm. Đó là đặc trưng thơ về nội dung tư tưởng. Người thi sĩ phải có những rung cảm nồng nhiệt và cháy bỏng mới đốt cháy được trái tim người đọc, để độc giả cũng rung động với người nghệ sĩ. Nhà thơ không thể sáng tạo ra thơ từ một tâm hồn, một tình cảm hời hợt, lạnh lẽo.

Thơ xuất phát từ tâm hồn tình cảm và đó “phải là tình cảm chân thật.” (Viên Mai) Từ hiện thực cuộc sống, mỗi nhà thơ có những trải nghiệm riêng, tình cảm của riêng mình để viết nên những bài thơ hay, có nội dung độc đáo. Nội dung ấy trong thơ thể hiện tư tưởng chủ đề của người nghệ sĩ gửi đến các thế hệ bạn đọc. Xuất phát từ tình cảm nhưng thơ phải gắn với hiện thực cuộc sống thông qua cái nhìn đầy rung động của người nghệ sĩ. Mục đích lớn nhất của thơ ca nói riêng và văn học nói chung là nhận thức, khám phá bản chất thực sự của con người và cuộc sống. Lí luận văn học hiện đại đã khẳng định: văn học dù hoang đường kì ảo, viễn tưởng đến đâu cũng hướng đến hiện thực của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc và qua từng thời đại. Nếu không gắn với hiện thực, thơ ca và văn chương chỉ còn là “nghệ thuật vị nghệ thuật”, không thể thực hiện chức năng cao cả là “nghệ thuật vị nhân sinh” của nó nữa. Bởi vậy một tác phẩm thơ phải vừa là tiếng nói của tâm hồn tình cảm, tư tưởng mà người nghệ sĩ gửi gắm, vừa thể hiện sâu sắc, chân thực hiện thực của cuộc sống. Như vậy nhà thơ mới có được tác phẩm nghệ thuật chân chính, làm rung động bạn đọc.

Là nhà tư tưởng, nhân đạo lớn trong văn học trung đại, Nguyễn Du đã đưa vào sáng tác của mình tưởng tình cảm mãnh liệt, làm rung động trái tim người đọc bao thế hệ. “Độc Tiểu Thanh kí” là tác phẩm kết tinh tiếng nói tâm hồn Nguyễn Du trước hiện thực đau đớn của xã hội phong kiến thời bấy giờ. Cảm thương, xót xa cho số phận Tiểu Thanh – người con gái tài sắc, trẻ tuổi mà bạc mệnh,



tâm hồntha thiết đầy tình yêu của nhà nhân đạo chủ nghĩa đã ám ảnh tình cảm, tư tưởng người đọc suốt bao thế hệ.

Đại thi hào Nguyễn Du – người có con mắt nhìn thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ cả nghìn đời đã chứng kiến và đau đớn trước hiện thực xã hội đen tối, đầy bất công đối với những kiếp người tài hoa bạc mệnh. Hiện thực cuộc sống đã vùi dập họ, không cho họ có quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc. Đau đớn làm sao cái xã hội bất công đem đến khổ đau cho con người mà đến Trời cũng không thể lí giải:

*“Cổ kim hận sự thiên nan vấn”*

(Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi)

Thời gian “cổ kim”, từ xưa đến nay, từ quá khứ cho đến hiện tại, những con người tài hoa như Tiểu Thanh không thể tìm được bến đỗ hạnh phúc mà bị đọa đày, chịu đủ những khổ đau ngang trái trong xã hội. Tiểu Thanh vốn là vợ lẽ, mới mười tám tuổi đã phải chôn vùi tuổi xuân trong nơi hoang vu, hẻo lánh trên núi Cô Sơn. Với tài năng văn chương và sắc đẹp của mình, nàng bị vợ cả ghen ghét, đố kị và hãm hại. Hiện thực xã hội tối đen với sự lộng hành của các thế lực độc ác tác oai tác quái. Trong xã hội ấy Nguyễn Du trông thấy những kẻ:

*“Không lộ vượt nanh cùng nọc độc*

*Mà xé thịt người nhai ngọt xót”*

Số phận của Tiểu Thanh đã trở thành một quy luật của bao con người tài sắc khác. Chiều dài thời gian được khái quát bằng những số phận khổ đau nên càng thêm trĩu nặng. Nỗi đau đớn tiếc thương đã kết thành “hận sự”, thể hiện nỗi đau trước con người và hiện thực đã dâng đến đỉnh điểm. Nỗi hận ấy đến Trời cũng không thể lí giải được. Hiện thực tàn khốc của xã hội đã đẩy con người ta đến đường cùng, không thể tìm thấy lối thoát, chỉ thấy cuộc đời đầy đau khổ, bị kịch.

Đứng trước hiện thực đau thương, bế tắc ấy, trái tim nhân đạo của Nguyễn Du rung lên từng hồi mạnh mẽ. Tiếng nói của tâm hồn yêu thương, xót xa, cảm thông với kiếp người tài hoa bạc mệnh đã thôi thúc Nguyễn Du cất lên tấm lòng của mình với Tiểu Thanh và với tất cả kiếp người tài hoa bạc mệnh. Đọc “Độc Tiểu Thanh kí”, người đọc bồi ngùi xúc động trước số phận nàng Tiểu Thanh:

*“Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư*

*Độc điếu song tiền nhất chỉ thư”*

(Tây Hồ cảnh đẹp hóa gò hoang

Thôn thớt bên song mảnh giấy tàn)

Cảnh đẹp Tây Hồ mở đầu gợi nhớ đến câu chuyện buồn của nàng Tiểu Thanh. Ngay từ câu mở đầu, tác giả đã hé mở chủ đề tác phẩm là tấm lòng thương người, đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội xưa. Sự xuất hiện của “thành khư” (gò hoang) thay thế cho “hoa uyển” (cảnh đẹp) đã thể hiện sự biến

đổi đến tận cùng của cảnh vật thiên nhiên theo chiều hướng tàn phai, héo úa, nhuốm màu đau thương. Cảnh vật biến đổi và con người cũng vậy. Nàng Tiểu Thanh tài sắc xinh đẹp đã không còn, chỉ để lại duy nhất một tập sách. Các từ Hán Việt “tẫn”, “độc”, “nhất” thể hiện nỗi đau đớn khắc khoải trong lòng Nguyễn Du trước số phận Tiểu Thanh dù chỉ viếng nàng qua một tập sách trước cửa sổ. Đó chính là tấm lòng yêu thương, xót xa đầy cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du với người phụ nữ tài hoa bạc mệnh. Từ tận đáy lòng ông cất lên những lời thơ ca ngợi, trân trọng vẻ đẹp ấy:

*“Chi phần hữu thần liên tử hậu*

*Văn chương vô mệnh lụy phần dư”*

(Son phần có thần chôn vẫn hận

Văn chương không mệnh đốt còn vương)

Trong xã hội phong kiến xưa, người phụ nữ được nhắc tới chỉ bằng những nét đẹp hình thức, nhan sắc. Nguyễn Du là người đầu tiên trong văn học trung đại ca ngợi, khẳng định vẻ đẹp ngoại hình lẫn tài năng của người phụ nữ một cách có hệ thống. Từ “chi phần” khẳng định vẻ đẹp nhan sắc của Tiểu Thanh trong khi “văn chương” lại đề cao tài văn chương nghệ thuật của nàng. Từ Tiểu Thanh, cô Cầm đến Thúy Kiều, Đạm Tiên... trong sáng tác của Nguyễn Du đều xuất hiện những người phụ nữ tài năng và nhan sắc. Ca ngợi vẻ đẹp, xót xa cho số phận, đó thực chất là haimặt của tình yêu thương Nguyễn Du dành cho người phụ nữ.

Cảm thông, chia sẻ với Tiểu Thanh, đại thi hào đã nhận ra và tự xót thương cho số phận của mình. Đó là tiếng vọng từ tâm hồn của một con người vướng vào kiếp phong lưu, cô đơn, không tìm được ai tri kỉ:

*“Phong vận kì oan ngã tự cư”*

(Cái án phong lưu khách tự mang)

Nguyễn Du nhận ra kiếp “phong vận” của những con người thanh lịch, tài năng mà bạc mệnh. Từ “ngã” đã khẳng định tiếng nói cá nhân của Nguyễn Du trong nền văn học vốn đầy rẫy tiếng lòng “phi ngã”. Điều đó khẳng định bản lĩnh, tài năng của Nguyễn Du. Đến câu thơ này nhà thơ đã đồng nhất thân phận mình với Tiểu Thanh, với kiếp đời tài hoa bạc mệnh, Nhà thơ tự nhận mình cùng hội cùng thuyền với nàng để từ đó tri âm đồng điệu và thấu hiểu. Đây cũng là một khía cạnh của tinh thần nhân đạo, của tiếng nói tri âm, tiếng nói tâm hồn trong “Độc Tiểu Thanh kí”. Cuối cùng Nguyễn Du cất lên lời đau thương xót xa mong người đời sau nhớ tới mình:

*“Bất tri tam bách dư niên hậu*

*Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?”*

(Không biết ba trăm năm lẻ nữa

Người đời ai khóc Tố Như chăng?)

Thời gian ba trăm năm là khoảng thời gian rất dài, con người có thể lãng quên đi mọi thứ. Nhưng lúc này, Nguyễn Du mong người đời sau tri âm thấu

hiểu mình, cũng như hơn ba trăm năm trước Nguyễn Du đã khóc Tiểu Thanh. Bởi trong xã hội tối tăm bất công ấy ông không thể tìm được người tri âm, thấu hiểu mình. Kết thúc bài thơ là lời ngỏ với khát khao tìm được sự đồng cảm thấu hiểu, gửi niềm tin vào hậu thế.

Nhận định của Nguyễn Đình Thi khẳng định rất đúng về đặc trưng thơ. Nếu không có tình cảm, người nghệ sĩ không thể rung cảm với hiện thực cuộc sống, chính tình cảm của người nghệ sĩ làm nên giá trị tác phẩm. Bên cạnh đó, hiện thực xã hội là vùng đất, là địa hạt để nhà thơ gieo trồng cảm xúc, vun vén tư tưởng và tình cảm để kết tinh tác phẩm hay. Người viết còn cần có tài năng nghệ thuật để tạo nên một tác phẩm đích thực. Đó là đích đến của văn chương nghệ thuật, là mục tiêu người nghệ sĩ hướng tới. Trong sáng tạo nghệ thuật cần bắt rễ từ cuộc sống để sáng tạo tác phẩm gắn với hiện thực và có sự trải nghiệm, rung động thực sự. Người đọc cần hiểu được giá trị, ý nghĩa của hiện thực và thấu hiểu tư tưởng tình cảm trong đó.

Chính tấm lòng - “tiếng nói thứ nhất của tâm hồn” đã tạo nên giá trị cho “Độc Tiểu Thanh kí”. Tác phẩm giàu giá trị nhân đạo, hiện thực và thể hiện tình cảm của đại thi hào dân tộc.

### Bài làm 3

Khởi phát từ cuộc sống, thơ ca trở lại phục vụ cho đời sống tâm hồn của con người. Có người cho rằng không có gì hay hơn tiếng thì thầm của thơ ca trên mặt đất. Thơ ca là thứ nghệ thuật chung của tâm hồn đã trở nên tự do và không bị bó buộc vào nhận thức giác quan về vật chất bên ngoài; thay vì thế, nó diễn ra riêng tư trong không gian bên trong và thời gian bên trong của tư tưởng và cảm xúc. Nguyễn Đình Thi cho rằng : “Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm tới cuộc sống” là hoàn toàn có căn cứ.

Người thợ làm bánh làm ra chiếc bánh thạch bằng một tình yêu với món bánh quê nhà, người họa sĩ vẽ bức tranh mùa thu bằng cái hồn say đắm thiên nhiên đất nước. Còn nhà thơ viết câu thơ bằng chính rung động của mình trước bất kỳ khía cạnh nào của cuộc sống xung quanh. “Thơ” là một thể loại trữ tình dùng ngôn từ, vần và nhịp để biểu thị nội dung. Nguyễn Đình Thi cho thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn, tức thơ dùng để biểu thị, bộc lộ thứ tình cảm sâu kín trong trái tim. Thơ nói hộ trái tim người nghệ sĩ, thơ gây khúc đàn từ chính rung động của thi nhân. Nhưng phải là tiếng nói “đầu tiên”, “thứ nhất”, tức những rung cảm chợt xuất hiện, chợt nảy sinh khi nhà thơ vừa “đụng chạm tới cuộc sống”. Ý kiến của Nguyễn Đình Thi đã đề cập đến đặc trưng cơ bản của thơ: Thơ ca bắt nguồn từ tình cảm, tâm tư và cũng là công cụ để bộc lộ tình cảm mãnh liệt.

Jose Martin cho rằng “thiếu tình cảm thì chỉ có thể trở thành người thơ làm những câu có vần chứ không thể trở thành nhà thơ”. W Goethe thì nói “thơ ca là bùng cháy của trái tim”. Xuất phát từ đặc trưng văn học nói chung là phản ánh đời sống khách quan qua lăng kính chủ quan, qua sự sàng lọc và gửi gắm tư tưởng, tình cảm của tác giả.



Thơ cũng là một thể loại của văn chương và thơ không đứng ngoài quy luật ấy. Thơ phản ánh cuộc sống, ấy là lúc các nhà thơ khám phá cuộc đời, là khi Huy Cận nhìn thời thế mà cất bút lên viết “Tràng Giang” buồn mênh mang, khi Tố Hữu nhớ lại ngày mình được ánh sáng của Đảng chiếu rọi mà viết nên “Từ ấy”. Nhưng thơ là một thể loại trữ tình, vạch xuất phát của thơ là tình cảm, đích đến của thơ cũng là thể hiện tình cảm, là đem sự thật kia vào câu chữ để mỗi chữ vang lên đều như một nốt nhạc thăng hoa từ tình cảm của thi nhân.

Người nghệ sĩ đến với thi ca là để được giải bày. Anh nhìn thấy một cụ già, một em nhỏ, anh thương cho cụ già kia, rạo rực nét ngây thơ của em nhỏ kia. Tình cảm xuất hiện rất nhanh, lần đầu tiên thôi nhưng dâng lên mãnh liệt đến nỗi anh phải dùng thơ mà diễn đạt. Người viết bộc lộ cảm xúc của mình về cuộc sống nhưng lại vô tình (hay cố ý) thỏa mãn được nhu cầu khám phá tình cảm, tình người tri âm của độc giả khi đến với thơ ca. Thế giới nứt làm đôi, vết nứt xuyên qua trái tim người nghệ sĩ và khi đến với người đọc thì nó đã nhuộm máu nhà thơ. Vết máu ấy đọng lại trong tim người đọc như một vùng sáng, tìm đến trái tim họ để cùng sẻ chia, hàn gắn.

Nếu đến với khoa học vật lý, hóa học, người ta chỉ tìm thấy những định luật, định lý khô khan thì đến với văn chương người đọc cùng hòa mình trong cảm xúc của tác giả. Không phải tự nhiên đâu mà Mạc Ngôn, nhà Nobel văn học năm 2012 lại nói “Bạn có thể tìm thấy mọi thứ tôi muốn nói trong tác phẩm của tôi”. Thơ như một ngọn núi cao hiểm hóc nhưng thơ mộng, người đọc không dễ leo lên mà vẫn muốn leo lên để thấy thi nhân đã cảm nhận thế giới như thế nào.

Nếu coi nền văn học Việt Nam là bầu trời đầy sao rực rỡ thì không ít những nhà thơ trung đại là ánh sao sáng rực, chiếm một góc trời. Con người trung đại làm thơ bắt nguồn từ tình cảm, có những thứ tình cảm rất riêng, rất tinh tế nhưng vẫn nói được tiếng nói của nhiều kiếp người nơi ấy. Nguyễn Du là một tác gia điển hình cho điều đó. Người đời ca ngợi Nguyễn Du với “Truyện Kiều” nhưng tôi lại thích một Đại thi hào trong “Độc Tiểu Thanh kí”.

Độc Tiểu Thanh ký là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn thi nhân. Sống trong thời đại đầy biến động, nơi số phận con người như thuyền trên nước, trôi nổi bấp bênh, Nguyễn Du lại tìm thấy tập thơ của nàng Tiểu Thanh khi xưa và chẳng ai xui khiến ông tìm về viếng nàng. Chính niềm xót thương đồng cảm ấy – thứ tình cảm đầu tiên nảy sinh ấy đã thành dòng sông cảm hứng để ông viết nên bài thơ này. Nhìn thời thế, nhìn cuộc sống, nhà thơ nghĩ đến sức mạnh của thời gian:

“Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư

Độc điều song tiền nhất chỉ thư”

Độc hai câu đề, người đọc có thể nói: Sống lâu như vậy rồi, quan niệm thời gian trong câu này đâu còn là thứ “tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất”. Xin thưa rằng chiêm nghiệm thì đã lâu, nhưng chỉ trong hoàn cảnh viếng nàng Tiểu Thanh này, nỗi sợ mới lên đến đỉnh điểm. Tây Hồ đẹp vậy mà giờ đã hóa gò hoang, điêu tàn, chết chóc. Chữ “tẫn” như ẩn chứa cả sức mạnh hàng vạn năm.

Nguyễn Du thốt lên chữ ấy vì ông sợ cái sức mạnh khủng khiếp của thời gian, nỗi sợ phần nào giống với Hồ Xuân Hương “văng vẳng trống canh dồn”. Trước đó người đọc từng cảm nhận đại thi hào thương cho nàng Kiều nhưng đó là tình thương đối với người trong nước.

Ở đây người ta lại gặp một tri âm tiếc thương, cảm thông vượt cả thời gian, xuyên không gian ra ngoài biên giới. Đây không phải là “tiếng nói đầu tiên, thứ nhất” xuất hiện trong tâm khảm thi nhân là gì? Hình ảnh một người với một mảnh giấy bên một song cửa, viếng một người, hai người họ đã là tri âm.

Khi đại thi hào “đụng chạm tới cuộc sống” đâu đâu cũng chỉ thấy bóng người khuất oan, đâu đâu cũng chỉ mang nỗi đau vạn cổ, như trong “Văn tế thập loại chúng sinh” ông thương đưa trẻ mới lọt lòng:

“Kìa những đứa tiểu nhi tám bé

Lỗi giờ sinh lìa mẹ lìa cha

Lấy ai bồng bế vào ra

U ơ tiếng khóc thiết tha não lòng”

Còn ở đây ông thương cho tất cả cái tài, cái đẹp trong xã hội:

“Chi phần hữu thần liên tử hậu

Văn chương vô mệnh lụy phần dư”

Son phần là ẩn dụ cho người con gái hay sắc đẹp nói chung, văn chương là ẩn dụ cho cái tài nói chung, chúng có “thần chôn văn hận”, “không mệnh đốt còn vương”. Bằng nghệ thuật nhân hóa, bằng “con mắt nhìn suốt sáu cõi, tám lòng nghĩ suốt nghìn đời”, tám lòng nhà thơ nhìn thấu con người và sự việc, xoa dịu cả nỗi khắc khoải nhất, oan uổng nhất (xuất phát từ nỗi oan của nàng Tiểu Thanh) để rồi hết lòng trân trọng cái tài, cái đẹp nhưng cũng hết lòng đồng cảm, xót thương. Hai câu thực đối nhau nhưng là đối tượng đồng. Tất cả hình ảnh, ngôn từ đều hướng đến bày tỏ nỗi lòng của tri âm. Ấy là tâm tư hồn thi sĩ vậy. Tâm hồn như sợi dây đàn, một khi đã rung lên thì ngòi bút tràn trề cảm xúc.

Thương cho người chỉ là một nửa trái tim, nửa còn lại, thi hào thương cho chính bản thân mình:

“Cổ kim hận sự thiên nan vấn

Phong vân kì oan ngã tự cư”

Nỗi oan trời không biết đất không hay, đó là cái nỗi oan gì vậy? Tự nhận mình là “ngã tự cư”, một kẻ cùng hội cùng thuyền với những người bất hạnh ấy, phải chăng Nguyễn Du đang rất đau. Lần đầu tiên người ta thấy được lời than trực tiếp cho cái tôi của mình trong văn học, quả là một ngòi bút đi trước thời đại. Trong ca dao cũng có “thân em”, “thân cò” nhưng biết thân ấy là ai? Nguyễn Du đã thật sự dùng thơ làm tiếng nói tâm hồn nên thậm chí còn dám xưng danh bằng một câu hỏi:

“Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như”

Nhưng tình cảm của nhà thơ không giống “ba trăm năm nữa” chỉ là con số tưởng tượng. Ba trăm năm hay vài thế kỷ nữa trôi qua, trong tương lai, có ai còn khóc cho ông như ông đang khóc nàng Tiểu Thanh, có ai còn nhớ đến cái tên Tố Như không? Nguyễn Du xưng danh để khao khát nhưng khi kết hợp với câu hỏi tu từ thì lại có phần khắc khoải, mơ hồ, bất lực. Hỏi chỉ để hỏi thôi, hỏi nhưng chẳng có lời nào vọng lại.

Đọc đến câu thơ này, tiếng nói của tâm hồn nhà thơ đã được bộc bạch rõ. Đứng tới nỗi đau của mình và của mọi kiếp người trong cuộc sống, lòng nhà thơ đã rung, tay nhà thơ đã viết, những câu từ như lời nói phát ra từ cổ họng, tự kêu, tự thương, tự mơ ước cho chính mình. Dấu chấm câu kết thúc, người đọc vẫn thấy dư vang của một thời – cái cuộc sống mà thi nhân đã đụng chạm, đã nằm trong đó, đã bị cái gai của cuộc sống cắm vào. Nhưng dư âm càng sâu hơn nữa đó là sự trân trọng với tác giả, cái tài và cái đẹp, đồng thời đồng cảm, thương xót, ước mơ. Và câu hỏi xưa của cụ Nguyễn, ngày nay đã có nhiều lời đáp lại.

Georges Baudard – nhà văn nước ngoài từng nói “Trên thế giới không có nhà văn nào để lại chấn động mạnh mẽ đến nhân dân nước mình như Nguyễn Du ở Việt Nam”. Đúng vậy, người ta yêu Nguyễn Du là yêu một tâm hồn, một tài năng biểu đạt tâm hồn xứng là bậc thầy của dân tộc.

Ý kiến mà Nguyễn Đình Thi đưa ra là hoàn toàn đúng đắn và ý nghĩa. Nó đúng không chỉ với Nguyễn Du mà còn đúng với rất nhiều nhà thơ trung đại khác. Ta được thấy thái độ chống lại số phận của Hồ Xuân Hương, thấy tấm lòng yêu thiên nhiên và tác dạ ưu thời mẫn thế của Nguyễn Trãi trong “Cảnh ngày hè”.

Đến văn học hiện đại, ta lại cảm nhận được không khí rầm rộ, rộn ràng của các nhà thơ kháng chiến, thấy thái độ hào hứng của Phạm Tiến Duật trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”, của Tố Hữu trong “Từ ấy”, của Chế Lan Viên trong “Tiếng hát con tàu”. Và không chỉ trong thơ, trong văn, bất kỳ môn nghệ thuật nào cũng cần tình cảm. Tôi từng đắm say bức tranh “Bữa ăn tối cuối cùng” của Leonardo De Vinci. Mỗi tác phẩm có tiếng nói riêng nhưng giống nhau ở chỗ chứa đựng ở đó một tình thương vô ngần của người nghệ sĩ đối với cuộc đời.

Nguyễn Đình Thi đã tạo ra một ngọn hải đăng cho các thi sĩ chèo thuyền về đúng hướng. Những ai đang viết thơ, hãy viết chúng bằng cả tấm lòng mình, hãy huy động tất cả vẻ đẹp của tâm hồn và dòng máu vào trang viết, để người đọc khi đến với tác phẩm cũng phải sống hết mình với nó, khám phá nó như tìm đường đến với ngọn hải đăng giữa biển khơi. Có vậy lịch sử văn chương mới thực sự đi lên bền vững.

Nền văn học vẫn chảy trôi và phát triển, thi ca muôn đời vẫn là lãnh địa của cảm xúc và trái tim khi nhà thơ lấy chúng ra từ hiện thực. Thật có lí khi nói: “Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm tới cuộc sống”. Và mỗi bài thơ chắc hẳn là một phần tâm hồn của người nghệ sĩ.

Mời bạn đọc cùng tham khảo <https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop10>